TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **133**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc
2. Phạm Thị Nguyệt Thu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai***: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 635/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phượng Á, sinh năm 1986
Địa chỉ: 4, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Trần Đức M, sinh năm 1990
Địa chỉ: 3, tổ I, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Phượng Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Á và ông Trần Đức M kết hôn với nhau vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn; được UBND phường T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 07/5/2021.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Bà Á và

ông M đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2022 đến nay. Nay bà Á nhận thấy không còn tình cảm với ông M, quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy bà Á yêu cầu Toà án giải quyết cho bà Á được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà Á và ông M có 01 con chung là Phạm Phương Mộc A, sinh ngày 26/02/2023. Từ khi bà Á và ông M ly thân đến nay, bà Á là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Bà Á yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Trần Đức M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông M đều vắng mặt, ông M không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thưký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phượng Á.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phượng Á được ly hôn với ông Trần Đức M.

+ Về con chung: Bà Á và ông M có 01 con chung là Phạm Phương Mộc A sinh ngày 26/02/2023.

Giao con chung Phạm Phương Mộc A cho bà Phạm Thị Phượng Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Trần Đức M không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà Á phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Phượng Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Đức M đã được tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt

tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Á và ông M.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn", quy định tại Điều 51 Luật nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phượng Á và ông Trần Đức M tự nguyện kết hôn, được UBND phường T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 07/5/2021. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị Phượng Á và ông Trần Đức M là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Á khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông M là trầm trọng, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân. Bà Á xác định không còn tình cảm với ông M và yêu cầu xin ly hôn với ông M.

Bị đơn ông Trần Đức M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông M đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông M không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà Á nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông M không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, kết quả xác minh tại địa phương và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Phạm Thị Phượng Á và ông Trần Đức M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phượng Á về việc xin ly hôn với ông Trần Đức M.

[3.2] Về con chung:

Bà Á và ông M có 01 con chung là Phạm Phương Mộc A, sinh ngày 26/02/2023. Theo lời khai của bà Á thì hiện nay bà Á đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ông Trần Đức M không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung; từ đó cho thấy ông M không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao con chung cho bà Á nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Á không yêu cầu, nên tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Á trình bày bà Á và ông M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác chưa có lời khai của ông M; nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Á trình bày không có nợ chung, mặt khác chưa có lời khai của ông M; nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Phượng Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tụng dân sự;

Áp dụng các 8, 9, 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phượng Á.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phượng Á được ly hôn với ông Trần Đức M.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Phượng Á và ông Trần Đức M có 01 con chung là Phạm Phương Mộc A, sinh ngày 26/02/2023.

Giao con chung Phạm Phương Mộc A, sinh ngày 26/02/2023 cho bà Phạm Thị Phượng Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Ông Trần Đức M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm thời bà ông Trần Đức M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Phượng Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Á đã nộp, theo Biên lai thu số 0004955 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà Á phải chịu. Bà Á đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1-ĐN;
- Phòng THADS KV1-ĐN;
- UBND phường Tam Hiệp;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Hồng Ngọc **Phạm Thị Nguyệt Thu** **Phạm Ngọc Quyền**